

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2024/HC-PT

Ngày: 23/5/2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Bà Võ Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Lộc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Quách Hòa Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 10/2024/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 928/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1935; địa chỉ: tổ E, thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Bùi Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ E, thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021*); có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q; địa chỉ: số F H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Lê Trí T1, là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Trường S – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q; vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P; địa chỉ: thị trấn P, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Quốc D – Phó chủ tịch UBND huyện P, là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền ngày 29/5/2023*); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Phan Dương M – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan G, sinh năm 1936; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: ông Phan Kông T2, sinh năm 1979; địa chỉ: L, L, thành phố T, Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (*văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023*); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị N tranh chấp với ông Phan G đối với thửa đất số 255, tờ bản đồ số 43, diện tích 725m², tại thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (Hồ sơ đo vẽ năm 2007), theo hồ sơ đo đạc giải quyết tranh chấp có diện tích 667m², vì cho rằng: khoảng năm 1990, gia đình bà được Hợp tác xã 4, xã T cấp cho 02 thửa đất, gồm 01 thửa đất ruộng và 01 thửa đất trồng cây hoa màu. Sau khi được hợp tác xã giao đất, gia đình bà sử dụng thửa đất ruộng để canh tác cho đến nay. Đối với thửa đất trồng hoa màu hiện bà N đang tranh chấp thì khoảng năm 1991, gia đình bà có ra dọn dẹp cỏ trên đất để canh tác nhưng ông G ra đánh đập, ngăn cản không cho bà canh tác trên thửa đất này. Từ đó đến nay, ông Phan G chiếm và sử dụng. Năm 2020, bà N yêu cầu UBND xã T giải quyết để ông Phan G trả lại thửa đất trồng hoa màu lại cho gia đình bà. Ngày 01/10/2020, UBND xã T lập biên bản hòa giải không thành do các bên không thống nhất được việc giải quyết.

Ngày 19/3/2021, bà N có đơn gửi đến Chủ tịch UBND huyện P đề nghị giải quyết tranh chấp đối với thửa đất số 255, tờ bản đồ số 43, diện tích 725m² giữa bà N và ông Phan G. Ngày 05/8/2021, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 4168/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N và ông G. Ngày 24/01/2022, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 182/QĐ-UBND điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021. Theo đó Chủ tịch UBND huyện P không

công nhận nội dung tranh chấp đất đai của bà N với lý do: “*diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 255, diện tích 667m² (theo hồ sơ trích đo địa chính thửa đất) được gia đình ông Phan G sử dụng ổn định liên tục từ năm 1994 đến nay*”.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện P, bà N có đơn gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh Q, yêu cầu giải quyết buộc ông G trả lại diện tích 667m² đất trồng cây lâu năm tại thôn P, xã T, huyện P cho gia đình bà.

Ngày 05/5/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1205/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà N (lần hai), với nội dung:

" a) *Không chấp nhận đơn tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N ghi ngày 09/9/2021 gửi Chủ tịch UBND tỉnh, yêu cầu ông Phan G trả lại diện tích 667m² đất trồng cây lâu năm tại thôn P, xã T, huyện P cho gia đình Bà.*

b) *Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G (đã được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/2022) đã không công nhận nội dung đơn tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật.*

c) *Giao UBND huyện P:*

Tổ chức thực hiện Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 (đã được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/ 2022) của Chủ tịch UBND huyện P theo quy định.

Thực hiện việc xem xét công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất tranh chấp theo đúng quy định của pháp luật".

Không đồng ý với các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND tỉnh Q, ngày 12/4/2023 bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G, cùng trú tại thôn P, xã T, huyện P; Huỷ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N trú tại thôn P, xã T, huyện P (lần hai); Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N theo hướng chấp nhận khiếu nại của bà đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N vì các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND tỉnh Q giữa bà N, ông G là đúng pháp luật, bởi lẽ:

Về hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất: Qua kiểm tra thực tế hiện trường, đo đạc hiện trạng khu đất thì thửa đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G có diện tích: 667m² (theo hồ sơ Trích đo địa chính thửa đất do Chi nhánh VPĐKĐĐ Phú Ninh lập ngày 26/7/2021). Phạm vi, ranh giới thửa đất

được rào bằng lưới B40, trụ bê tông. Hiện trạng trên đất có cây bạch đàn do ông Phan G trồng.

Trên cơ sở hồ sơ quản lý, ngày 22/7/2021 UBND xã T có Công văn số 87/UBND về việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất phục vụ công tác giải quyết tranh chấp đất đai thì diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc như sau: Tại hồ sơ địa chính theo Nghị định 64/CP của Chính phủ được xác lập năm 1995 lưu trữ tại xã T thì thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 282, tờ bản đồ số 16, diện tích 559m², ông Phan G đăng ký (theo hình thức tạm giao); Theo hồ sơ đo đạc năm 2007 của Trung tâm K lưu trữ tại xã T thì thửa đất này thuộc thửa số 255, tờ bản đồ số 43, diện tích 725m², loại đất rừng sản xuất, được đăng ký tên người sử dụng là ông Phan G.

Về quá trình sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp: Qua kết quả lấy ý kiến cộng đồng dân cư ngày 24/11/2021 thì các hộ dân tham gia buổi làm việc có cùng ý kiến về nguồn gốc sử dụng đất đối với thửa đất số 225, tờ bản đồ số 43 như sau: Vào năm 1978, khi Nông trường thành lập, công nhân Nông trường đã vỡ hoang thửa đất trên để làm sản; đến năm 1993, Hợp tác xã chia thửa đất đó cho bà Nguyễn Thị N, bà N có sản xuất trên đất được 01- 02 mùa (khoảng 01 năm) thì bỏ hoang do không làm được; Năm 1994 ông Phan G đến sản xuất ổn định từ đó cho đến nay.

Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 255, diện tích 667m² (theo hồ sơ Trích đo địa chính thửa đất) được gia đình ông Phan G sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1994 đến nay. Từ năm 1994 đến nay bà N không sử dụng đất và không kê khai, đăng ký hồ sơ địa chính qua các thời kỳ (theo Hồ sơ 64/CP lập năm 1999, hồ sơ đo đạc năm 2007 thì phần diện tích đất tranh chấp do ông Phan G sử dụng và có kê khai đăng ký). Bà N không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 đối với thửa đất tranh chấp. Vì vậy, nội dung đơn tranh chấp đất đai của bà N là không có cơ sở để giải quyết chấp nhận. Do đó, Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện P (đã được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/2022) của Chủ tịch UBND huyện P và Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Q về giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G đã không công nhận nội dung Đơn tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N là đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N cũng như nội dung tranh chấp với ông G, bởi lẽ: Thửa đất số 255, tờ bản đồ số 43, diện tích 725m² hiện nay bà Nguyễn Thị N đang có đơn tranh chấp, có nguồn gốc của gia đình ông G, khai hoang sử dụng. Trước đây là trồng hoa màu, từ năm 1995 cho đến nay gia đình ông chuyển sang trồng cây lâu năm như cây bạch đàn, cây keo đã khai thác nhiều vụ. Từ khi gia đình ông sử dụng cho đến nay, gia đình bà N chưa từng sử dụng thửa đất này để canh tác, sản xuất. Tháng 8/2020 gia đình ông G lập hồ sơ

đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên thì bà N mới làm đơn tranh chấp đất đai với gia đình ông G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc: Yêu cầu huỷ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G; huỷ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N (lần hai) và Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N theo hướng chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị N đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2023, bà Nguyễn Thị N kháng cáo không chấp nhận toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến trình bày của các bên đương sự và tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị bác kháng cáo của bà Nưng và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc: Yêu cầu huỷ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G; huỷ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N (lần hai) và Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N theo hướng chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị N đúng quy định pháp luật là có căn cứ đúng pháp luật. Bởi lẽ:

[1.1] Bà Nguyễn Thị N tranh chấp đất đai với ông Phan G, được UBND xã T, huyện P hòa giải nhưng không thành. Ngày 19/3/2021, bà N có đơn tranh chấp gửi đến Chủ tịch UBND huyện P, được Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 (được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện P), giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà N và ông G. Không đồng ý với quyết định giải quyết Chủ tịch UBND huyện P, bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Q và được Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 giải quyết tranh chấp đất đai của bà N (lần

hai). Các quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND huyện P và Chủ tịch UBND tỉnh Q được ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 88, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[1.2] Theo hồ sơ giải quyết tranh chấp thể hiện bà Nguyễn Thị N tranh chấp với ông Phan G, đối với thửa đất theo hồ sơ đo đạc năm 2007 của Trung tâm K là thửa số 255, tờ bản đồ số 43, diện tích 725m², tại xã T, huyện P, diện tích theo hiện trạng sử dụng được xác định khi đo đạc giải quyết tranh chấp là 677m² (Thửa đất 255).

[1.3] Căn cứ hồ sơ lập theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ (hồ sơ 64 CP) và xác nhận của UBND xã T, huyện P tại Văn bản số 87/UBND ngày 22/7/2021, thể hiện: thửa đất 255 bà N tranh chấp với ông G, theo hồ sơ 64 CP là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 16, diện tích 559m² do ông Phan G đăng ký (theo hình thức tạm giao). Theo hồ sơ đo đạc năm 2007 thửa số 255, được đăng ký tên người sử dụng là ông Phan G. Tại biên bản cuộc họp ngày 24/11/2021 về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nguồn gốc thửa đất số 225, tờ bản đồ số 43, với nội dung như sau: *"Năm 1978 khi nông trường thành lập, công nhân nông trường vỡ hoang làm đến năm 1990 công nhân không làm nữa, ông G vỡ hoang làm sẵn. Đến năm 1993, Hợp tác xã chia cho bà N (không có giấy tờ gì hết) bà N làm được 01-02 mùa (khoảng 01 năm) thì bỏ hoang do không làm được. Năm 1994, ông G đến làm ổn định cho đến nay"*. Ý kiến khu dân cư phù hợp với lời trình bày của bà N về quá trình sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp. Mặt khác, theo sự thừa nhận của các đương sự tại phiên tòa phù hợp với kết quả kiểm tra, đo đạc hiện trạng khi giải quyết tranh chấp tại Báo cáo số 299/BC-TN&MT ngày 26/7/2021 thể hiện phạm vi, ranh giới thửa đất được ông G rào bằng lưới B40, trụ bê tông, hiện trạng trên đất có cây bạch đàn do ông Phan G trồng. Như vậy, có cơ sở để xác định thửa đất số 255, tờ bản đồ số 43, diện tích 667m² tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam bà N tranh chấp với ông G, do ông G sử dụng ổn định, liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ trước năm 1994 đến nay, ông G thực hiện kê khai, đăng ký đất đai theo Nghị định 64-CP và hồ sơ đo đạc năm 2007. Bà N không trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ trước đến nay và không kê khai, đăng ký đất đai qua các thời kỳ, không có giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp.

[1.4] Với nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà N là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm bà N không cung cấp chứng cứ mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[2] Bà Nguyễn Thị N là người trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà N được miễn án phí Hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 100, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 18, Điều 88, Điều 89 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và giữ nguyên bản án sơ thẩm số 133/2023/HC-ST ngày 05/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc: Yêu cầu huỷ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị N với ông Phan G; huỷ Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q về việc giải quyết tranh chấp đất đai của bà Nguyễn Thị N (lần hai) và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N theo hướng chấp nhận khiếu nại của bà Nguyễn Thị N đúng quy định pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí Hành chính sơ thẩm.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn toàn bộ án phí Hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Thường